



VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, MÔI TRƯỜNG VÀ BIỂN
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU

THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

SỐ THÁNG 03 NĂM 2026



MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC VIẾT TẮT	ii
DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC HÌNH.....	iv
GIỚI THIỆU	1
PHẦN I.	2
ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG.....	2
TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 3 NĂM 2026	2
1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp	2
1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng.....	4
1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng.....	6
PHẦN II.....	9
DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 04–06/2026	9
2.1. Xu thế khí hậu thời kỳ tháng 04–06/2026	9
2.2. Rủi ro khí hậu đối với cây trồng trong tháng 04–06/2026.....	9
2.3. Rủi ro khí hậu đối với vật nuôi trong tháng 04–06/2026.....	12
PHẦN III.....	14
KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (04–06/2026).....	14

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNB	Đông Nam Bộ
ENSO	Dao động Nam (El Niño-Southern Oscillation)
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
TN	Tây Nguyên
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SNM	Số ngày mưa
STNN	Sinh thái nông nghiệp
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt- ẩm (Temperature humidity index)
TLM	Tổng lượng mưa
Tx	Nhiệt độ tối cao trung bình
Tm	Nhiệt độ tối thấp trung bình
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng	4
Bảng 2. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính.....	5
Bảng 3. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 3/2026.....	6
Bảng 4. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước của cây lúa từ lượng mưa dự báo thời kỳ 04–06/2026	10
Bảng 5. Tổng hợp mức độ thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng một số cây trồng do ảnh hưởng của điều kiện khí hậu (04–06/2026)	11
Bảng 6. Tổng hợp giải pháp ứng phó rủi ro khí hậu đối với cây trồng (04–06/2026)	14

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/3/2026 đến ngày 20/3/2026 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp.....	3
Hình 2. Nhiệt độ tối thấp trung bình (Tm) từ ngày 1-20 tháng 3/2026	7
Hình 3. Chỉ số hạn nông nghiệp (Penman) từ ngày 1-20 tháng 3/2026	7
Hình 4. Lượng mưa ngày lớn nhất từ ngày 1-20 tháng 3/2026	8
Hình 5. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 3/2026	8
Hình 6. Dự báo theo chỉ số hạn nông nghiệp (Penman) từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026	12
Hình 7. Dự báo nhiệt độ từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026 (°C).....	13
Hình 8. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026 dựa trên chỉ số THI	13

GIỚI THIỆU

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu – Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển định kỳ xuất bản bản tin **“Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp”** hàng tháng, nhằm cung cấp thông tin cập nhật và hỗ trợ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp.

Bản tin được xây dựng trên cơ sở tổng hợp và phân tích số liệu từ các nguồn dữ liệu, tài liệu chuyên ngành:

- Số liệu quan trắc khí tượng, khí tượng nông nghiệp từ mạng lưới trạm quan trắc trên toàn quốc do Cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sâu bệnh và sản xuất nông nghiệp từ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Các kết quả phân tích, dự báo khí hậu từ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển.

Bản tin tháng 3/2026 gồm ba phần chính:

- Phần I – Điều kiện khí tượng nông nghiệp và cây trồng từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026.
- Phần II – Dự báo điều kiện khí tượng nông nghiệp và rủi ro đến sản xuất nông nghiệp từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026.
- Phần III – Khuyến nghị sản xuất nông nghiệp từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026.

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu trân trọng giới thiệu bản tin tháng 3/2026, với kỳ vọng hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp.

PHẦN I.

ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 3 NĂM 2026

1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp

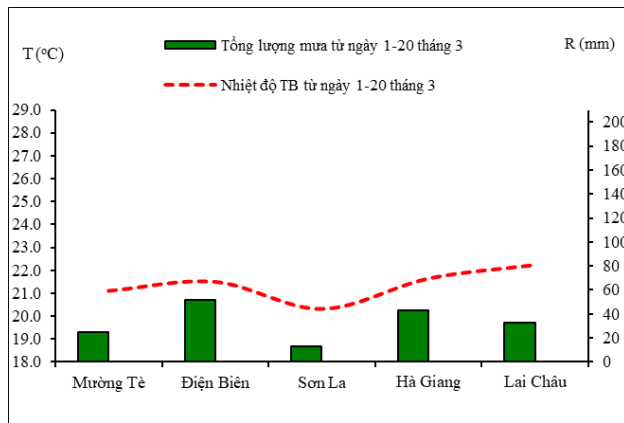
Từ ngày 01 đến ngày 20/03/2026, điều kiện khí tượng trên phạm vi cả nước có xu thế chuyển mùa rõ rệt, nhìn chung thuận lợi hơn so với tháng 2 nhưng vẫn tồn tại một số yếu tố bất lợi cục bộ đối với sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sự gia tăng nhiệt độ, mưa phân bố không đều và độ ẩm có sự phân hóa giữa các vùng (Hình 1).

Nhiệt độ. Trong hai tuần đầu tháng 3, nhiệt độ trên cả nước có xu hướng tăng so với tháng trước và tiếp tục tăng nhẹ khoảng 1–2°C vào tuần thứ hai. Miền Bắc phổ biến 20–23°C, khu vực trung du và miền núi khoảng 19–22°C, không còn rét đậm kéo dài; Đồng bằng sông Hồng duy trì 21–23°C. Khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ đạt 23–26°C, trong khi Tây Nguyên và Đông Nam Bộ cao hơn, khoảng 25–28°C. Đồng bằng sông Cửu Long có nhiệt độ 27–29°C, thuận lợi cho sinh trưởng cây trồng nhưng tiềm ẩn nguy cơ khô hạn cục bộ.

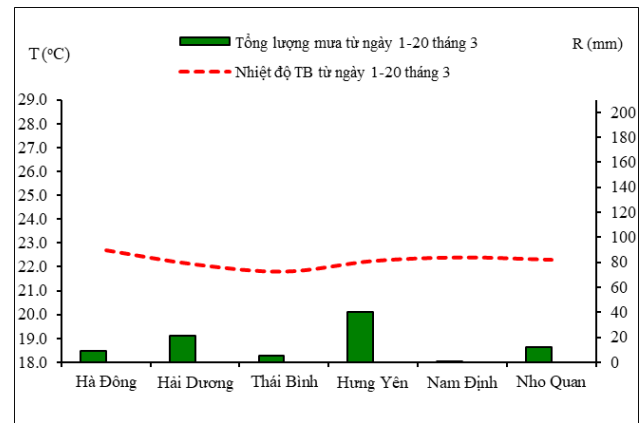
Lượng mưa. Trong 20 ngày đầu tháng 3, lượng mưa có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 2 nhưng phân bố không đều giữa các vùng. Miền núi phía Bắc có mưa rải rác (20–70 mm), trong khi Đồng bằng sông Hồng vẫn ít mưa, phổ biến dưới 30 mm. Khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ xuất hiện mưa cục bộ, một số nơi trên 100 mm. Ngược lại, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long hầu hết ít mưa, nhiều nơi gần như không có mưa.

Độ ẩm không khí. Độ ẩm trung bình tại các khu vực miền Bắc và Trung Bộ dao động từ 75–90%. Trong khi đó, khu vực Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long có độ ẩm thấp hơn, phổ biến từ 65–80%.

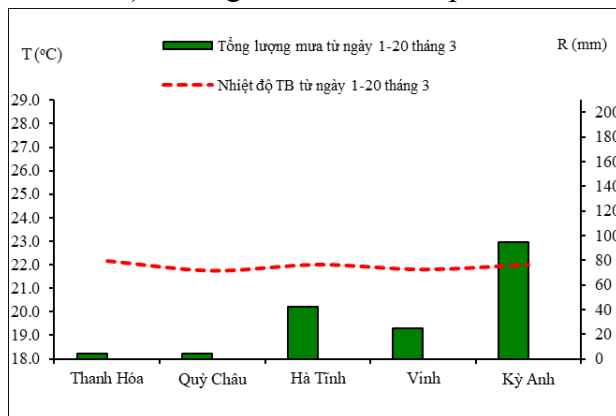
Các hiện tượng khí tượng bất lợi. Trong tháng 3, không còn xuất hiện các đợt rét đậm, rét hại diện rộng như tháng 2, tuy nhiên vẫn ghi nhận một vài đợt không khí lạnh yếu vào đầu tháng gây giảm nhiệt nhẹ ở miền Bắc. Ngoài ra, hiện tượng mưa phùn, nồm ẩm kéo dài tại khu vực Bắc Bộ gây bất lợi cho bảo quản nông sản và phát sinh sâu bệnh. Tại khu vực Nam Bộ và Tây Nguyên, tình trạng nắng nóng cục bộ và khô hạn bắt đầu xuất hiện, ảnh hưởng đến cây trồng cạn và nhu cầu tưới tiêu.



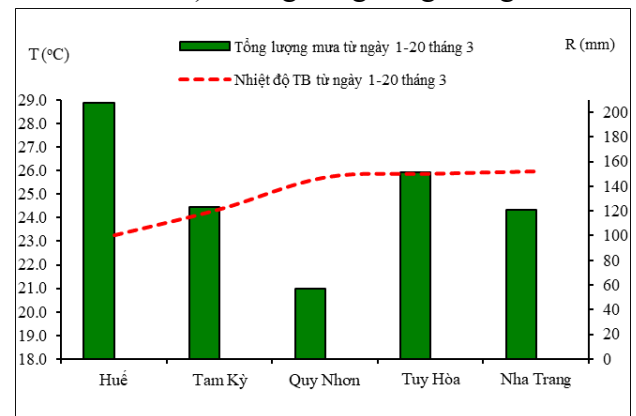
a) Trung du và miền núi phía Bắc



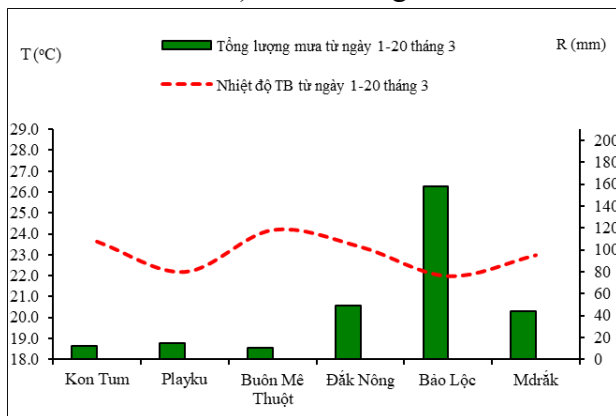
b) Đồng bằng sông Hồng



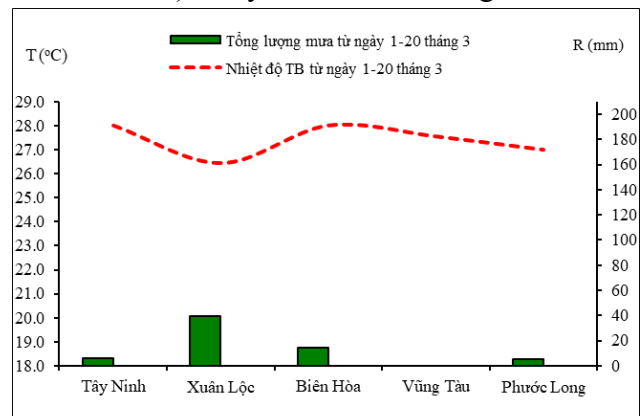
c) Bắc Trung Bộ



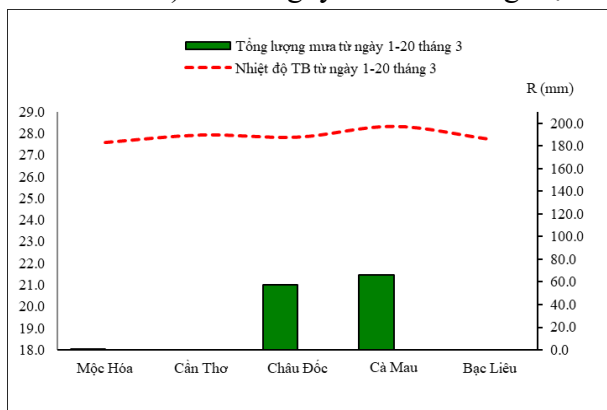
d) Duyên hải Nam Trung Bộ



e) Cao Nguyên Nam Trung Bộ



f) Đông Nam Bộ



g) Đồng bằng sông Cửu Long

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/3/2026 đến ngày 20/3/2026 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp

1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng

a) Sinh trưởng cây trồng (Bảng 1):

Trong thời kỳ báo cáo, sinh trưởng cây trồng có sự phân hóa rõ theo vùng.

- Miền Bắc: lúa tại Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ chủ yếu đang ở giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng

- Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên: Lúa vào giai đoạn làm đòng -trổ bông; cà phê đậu quả -thu hoạch.

- Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long: lúa vào giai đoạn làm đòng- trổ bông; thanh long chăm sóc, thu hoạch.

b) Sâu bệnh hại (Bảng 2):

Sâu bệnh hại tiếp tục phát sinh trên một số cây trồng chính.

- Lúa: xuất hiện các đối tượng chủ yếu như đạo ôn, sâu cuốn lá, rầy hại lúa, sâu đục thân, đen lép hạt, ốc bươu vàng và chuột, tập trung tại Nam Bộ, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Ngô: sâu keo mùa thu xuất hiện rải rác tại một số tỉnh miền Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Thanh long: bệnh đốm nâu ghi nhận tại các vùng trồng trọng điểm ở Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Tháp và TP. Hồ Chí Minh.

- Cà phê: bệnh khô cành và gỉ sắt tiếp tục gây hại tại nhiều tỉnh Tây Nguyên.

Bảng 1. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
TDMNPB	Lúa	Đẻ nhánh
	Ngô	Gieo trồng
ĐBSH	Lúa	Đẻ nhánh
BTB	Lúa	Đẻ nhánh – làm đòng
	Lạc	Ra hoa- đậu quả
DHNTB	Lúa	đẻ nhánh, đòng trổ và bắt đầu chín
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
TN	Lúa	đẻ nhánh, đòng trổ và bắt đầu chín
	Cà phê	Đậu quả - thu hoạch
ĐNB	Lúa	Làm đòng -trổ
	Thanh long	Ra hoa – đậu quả
ĐBSCL	Lúa	Làm đòng -trổ

(Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 3/2026)

Bảng 2. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính

Cây trồng	Loại dịch bệnh	Diện tích nhiễm (ha)	Diện tích đã phòng trừ (ha)	Tình trạng nhiễm nặng (ha)	Phân bố chủ yếu
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	7.146	4.511	146	Điện Biên, Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Gia Lai, Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, HCM
	Bệnh đạo ôn cổ bông	2.132	2.028	2	Lâm Đồng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tây Ninh
	Sâu cuốn lá nhỏ	1.506	915	-	Điện Biên, Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Đà Lạt, An Giang, Tây Ninh, Cần Thơ, HCM
	Rầy hại lúa	3.928	3.426	65	Điện Biên, Lâm Đồng, Gia Lai, Quảng Ngãi, An Giang, Đồng Tháp, Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Cần Thơ
	Sâu đục thân 2 chấm	864	661	11	Điện Biên, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Cần Thơ, Tây Ninh, An Giang, Hồ Chí Minh
	Bệnh bạc lá	4.282	2.905	17	Lâm Đồng, Khánh Hòa, Cà Mau, Cần Thơ, An Giang, Hồ Chí Minh, Tây Ninh
	Bệnh đen lép hạt	10.743	8.742	-	Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau, Tây Ninh, Vĩnh Long
	Ốc bươu vàng	1.155	1.148	8	Bắc Ninh, Điện Biên, Phú Thọ, Sơn La, Lâm Đồng, HCM
	Chuột	13.370	3.777	509	Lâm Đồng, Khánh Hòa, An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long, Tây Ninh, Cần Thơ, Hồ Chí Minh, Điện Biên, Huế
Ngô	Sâu keo mùa thu	996	951	10	Hưng Yên, Phú Thọ, Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Lâm Đồng, An Giang
Thanh long	Bệnh đốm nâu	1.183	218	-	Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Tháp, Tp Hồ Chí Minh
Cà phê	Bệnh khô cành	3.631	436	43	Điện Biên, Quảng Trị, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai
	Bệnh gỉ sắt	3.564	807	43	Điện Biên, Sơn La, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đà Nẵng

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 3/2026

1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng

a. Đối với cây trồng

Từ ngày 01 đến ngày 20/03/2026, tình trạng khô hạn có xu hướng giảm tuy nhiên vẫn ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Thiếu nước, khô hạn: Lượng mưa thấp khiến nguồn nước không đáp ứng nhu cầu nước của cây lúa tại nhiều khu vực. Đồng bằng sông Hồng ghi nhận tình trạng thiếu nước trong giai đoạn đẻ nhánh -lâm đồng; Đồng bằng sông Cửu Long thiếu nước trên diện rộng với mức thiếu nghiêm trọng (Bảng 3, Hình 3).

Nhiệt độ thấp: Một số khu vực thuộc vùng TDMNPB vẫn có nhiệt độ dưới 15°C làm ảnh hưởng bất lợi đến sinh trưởng lúa, đặc biệt ở giai đoạn đẻ nhánh, nhiệt độ thấp làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhánh, làm giảm số nhánh hữu hiệu ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất (Hình 2).

b) Đối với vật nuôi

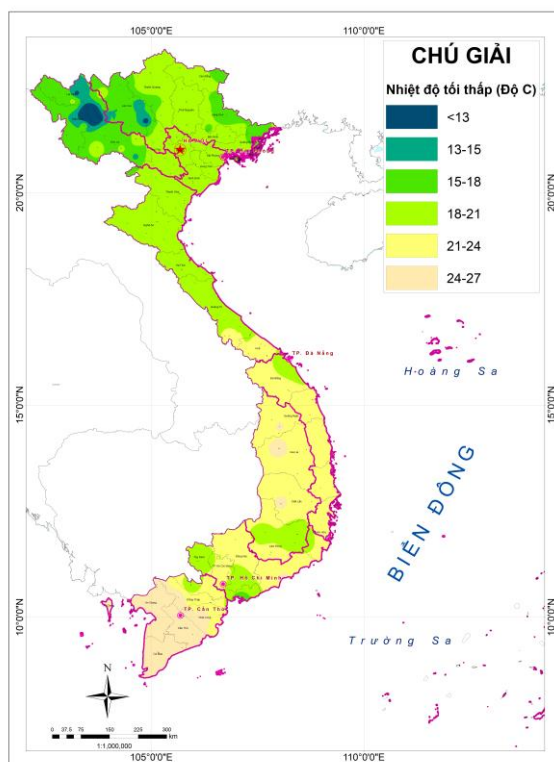
Nhiệt độ thấp: Một số khu vực thuộc vùng TDMNPB có nhiệt độ dưới 15°C, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của gia súc (Hình 2).

Căng thẳng nhiệt: Chỉ số nhiệt – ẩm (THI) trung bình trên phạm vi cả nước chủ yếu ở mức bình thường; tuy nhiên, một số khu vực Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long xuất hiện THI cao hơn, có thể gây stress nhiệt cục bộ cho gia súc, gia cầm (Hình 5).

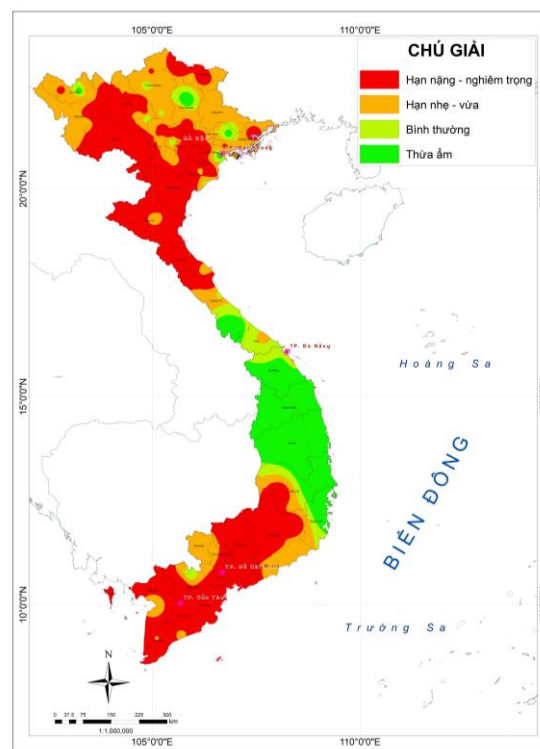
Bảng 3. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 3/2026

Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
ĐBSH	Sơn Tây	81.8	20.1	-61.7
	Hà Đông	81.4	30.5	-50.9
	Hải Dương	80.4	13.1	-67.3
	Hưng Yên	74.8	10.8	-64.0
	Nam Định	76.4	4.6	-71.8
	Văn Lý	72.9	5.0	-67.9
	Nho Quan	80.6	16.0	-64.6
	Ninh Bình	75.9	12.4	-63.5
	Thái Bình	74.6	8.8	-65.8
ĐBSCL	Mộc Hóa	167.3	0.5	-166.8

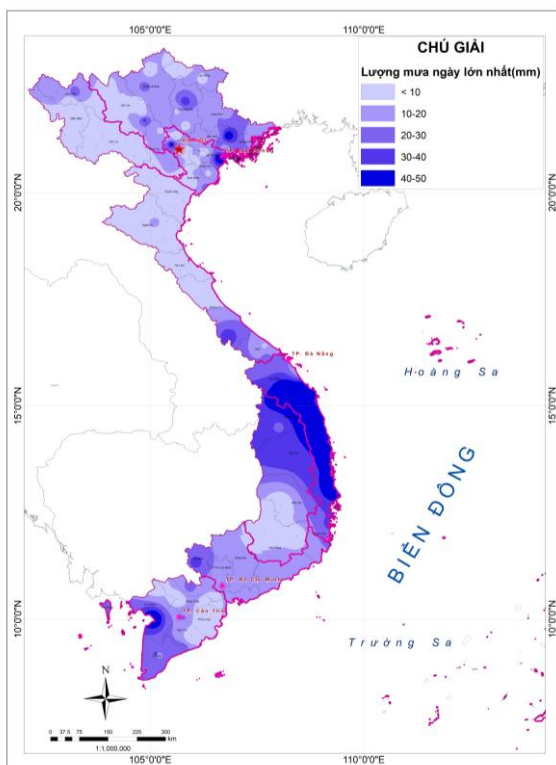
Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
	Mỹ Tho	161.7	0.4	-161.3
	Cao Lãnh	157.2	3.5	-153.7
	Càng Long	166.4	0.2	-166.2
	Châu Đốc	156.9	0.0	-156.9
	Cần Thơ	163.0	1.0	-162.0
	Sóc Trăng	159.2	0.2	-159.0
	Rạch Giá	167.3	22.4	-144.9
	Bạc Liêu	166.7	1.5	-165.2



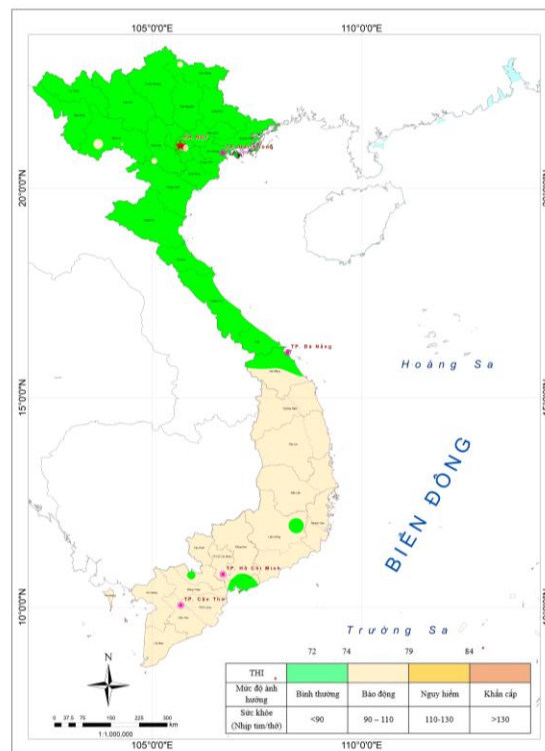
Hình 2. Nhiệt độ tối thấp trung bình (Tm) từ ngày 1-20 tháng 3/2026



Hình 3. Chỉ số hạn nông nghiệp K ($K_{Penman} = \text{Mưa/bốc hơi}$) từ ngày 1-20 tháng 3/2026



Hình 4. Lượng mưa ngày lớn nhất từ ngày 1-20 tháng 3/2026



Hình 5. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 3/2026

PHẦN II.

DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 04–06/2026

2.1. Xu thế khí hậu thời kỳ tháng 04–06/2026

Trong mùa tháng 04–06/2026, điều kiện khí hậu trên phạm vi cả nước (Theo bản tin “Thông báo và dự báo khí hậu” số tháng 3/2026) cụ thể như sau:

(1) Nhiệt độ:

Trong mùa 3 tháng 04-06/2026, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN tại Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế; xấp xỉ đến cao hơn TBNN tại Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ.

(2) Lượng mưa:

Trong mùa 3 tháng 04-06/2026, TLM có khả năng xấp xỉ giá trị TBNN cùng thời kỳ trên hầu hết các khu vực cả nước.

(3) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Mùa bão năm 2026 có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức tương đương TBNN (TBNN: 12-13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6-7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam). Trong mùa 3 tháng 04-06/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (1-2 cơn trên Biển Đông và 0,6 cơn ảnh hưởng Việt Nam).

- Nắng nóng: Trong mùa 3 tháng 04-06 năm 2026, nắng nóng sẽ xuất hiện trên diện rộng tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và cục bộ tại Cao nguyên Trung Bộ.

2.2. Rủi ro khí hậu đối với cây trồng trong tháng 04–06/2026

Trong tháng 04–06/2026, các điều kiện khí hậu dự báo có thể gây ra một số rủi ro đối với cây trồng, chủ yếu thông qua khô hạn, thiếu/thừa nước và sự gia tăng nguy cơ sâu bệnh.

Điều kiện khô hạn:

Theo chỉ số hạn nông nghiệp, từ tháng 04/2026, điều kiện khô hạn có khả năng xuất hiện từ Nghệ An đến Khánh Hòa. Trong giai đoạn tháng 05/2026, hầu hết trên cả nước khô hạn không xuất hiện và chỉ xuất hiện cục bộ tại một số tỉnh như Phú Thọ, Hưng Yên, Lào Cai, Huế, Quảng Ngãi. Sang tháng 06/2026, tình trạng khô hạn lại có xu hướng tăng lên mở rộng tại khu vực Trung Trung Bộ (Hình 6).

Ảnh hưởng của nắng nóng đến cây lúa:

Từ tháng 04-06 nắng nóng xuất hiện, trong giai đoạn làm đồng – trổ, nắng nóng là yếu tố rủi ro lớn đối với cây lúa, có thể làm giảm năng suất và chất lượng.

Ảnh hưởng của lượng mưa đến cây lúa:

Trong tháng 04, Đồng bằng sông Hồng có nguy cơ thiếu nước đối với cây lúa, trong khi đó tại Đồng bằng sông Cửu Long thừa nước. Đối với tháng 05 và 06, lượng mưa gia tăng, nhiều khu vực có thể chuyển sang dư thừa nước, gây bất lợi cho sinh trưởng lúa (Bảng 4).

Ảnh hưởng của biến động nhiệt – ẩm đến sâu bệnh hại:

Sự biến động của nhiệt độ và độ ẩm trong giai đoạn chuyển mùa, đặc biệt sau các đợt rét và mưa trái mùa, tạo điều kiện cho nhiều đối tượng sâu bệnh phát sinh và lây lan. Trên cây lúa, nguy cơ gia tăng rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá, sâu đục thân và bệnh đạo ôn; trên các cây trồng khác như ngô, cà phê, thanh long, hồ tiêu, các dịch hại chính tiếp tục có khả năng phát sinh trong thời kỳ dự báo.

Bảng 4. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước của cây lúa từ lượng mưa dự báo thời kỳ 04–06/2026

Vùng sinh thái	Trạm	thiếu (-)/Thừa (+) nước (m ³ /ha)			Nhận định
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	
ĐBSH	Son Tây	-207.1	+482.6	+1380.6	Tháng 4: Thiếu nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Thừa nước
	Hà Đông	-284.0	+264.2	+1042.4	Tháng 4: Thiếu nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Thừa nước
	Hải Dương	-215.5	+84.7	+1084.1	Tháng 4: Thiếu nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Thừa nước
	Hưng Yên	-238.2	+107.4	+792.5	Tháng 4: Thiếu nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Thừa nước
	Nam Định	-275.8	+51.2	+612.6	Tháng 4: Thiếu nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Thừa nước
	Văn Lý	-480.7	-226.7	+262.6	Tháng 4: Thiếu nước Tháng 5: Thiếu nước Tháng 6: Thừa nước
	Nho Quan	-340.8	+427.5	+938.7	Tháng 4: Thiếu nước Tháng 5: Thừa nước Tháng 6: Thừa nước
	Ninh Bình	-392.6	+23.3	+792.5	Tháng 4: Thiếu nước Tháng 5: Thừa nước Tháng 6: Thừa nước
ĐBSCL	Mộc Hóa	+1332.2	+152.2	-194.8	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Thiếu nước
	Mỹ Tho	+798.1	+24.8	+215.8	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Thiếu nước
	Cao Lãnh	+1181.7	-68.7	-68.4	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Thiếu nước Tháng 6: Thiếu nước
	Càng Long	+925.8	+411.2	+375.0	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Đủ nước
	Châu Đốc	+1867.6	+149.0	-511.2	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Đủ nước

Vùng sinh thái	Trạm	thiếu (-)/Thừa (+) nước (m³/ha)			Nhận định
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	
					Tháng 6: Thiếu nước
	Cần Thơ	+836.0	+323.1	+335.8	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Đủ nước Tháng 6: Đủ nước
	Sóc Trăng	+1206.4	+909.8	+1008.3	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Thừa nước Tháng 6: Thừa nước
	Rạch Giá	+1786.7	+930.3	+1001.4	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Thừa nước Tháng 6: Thừa nước
	Bạc Liêu	+1147.2	+575.1	+1206.6	Tháng 4: Thừa nước Tháng 5: Thừa nước Tháng 6: Thừa nước

Bảng 5. Tổng hợp mức độ thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng một số cây trồng do ảnh hưởng của điều kiện khí hậu (04–06/2026)

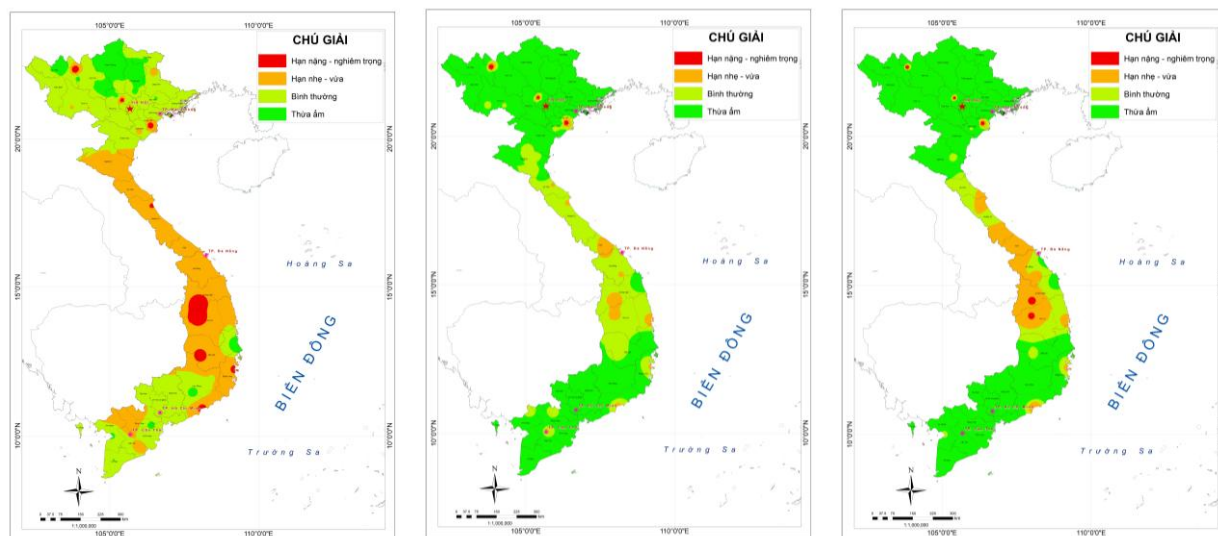
Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2026											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
TDMNPB	Lúa				ITL	TL	ITL						
	Lúa nương					TL							
	Ngô				TL	TL							
ĐBSH	Lúa				ITL	TL	ITL						
BTB	Lúa				ITL	TL							
	Lạc				TL	ITL							
DHNTB	Lúa				ITL	TL	TL						
	Thanh Long				ITL	ITL	ITL						
TN	Lúa				ITL	TL	TL						
	Cà phê				ITL	TL	ITL						
ĐNB	Lúa					TL	TL						
	Thanh Long				ITL	ITL	ITL						
ĐBSCL	Lúa					TL	TL						

Chú giải:

	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN

ITL: Ít thuận lợi cho SXNN



Tháng 4

Tháng 5

Tháng 6

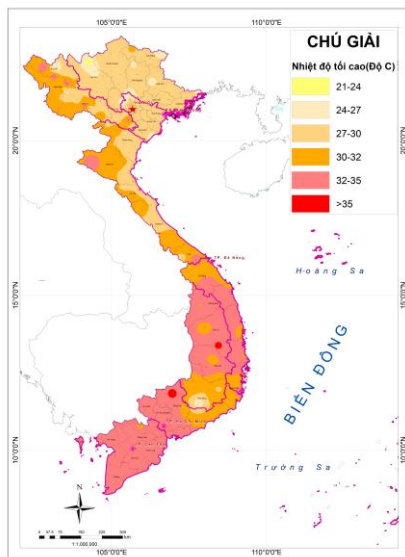
Hình 6. Dự báo theo chỉ số hạn nông nghiệp (Penman) từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026

2.3. Rủi ro khí hậu đối với vật nuôi trong tháng 04–06/2026

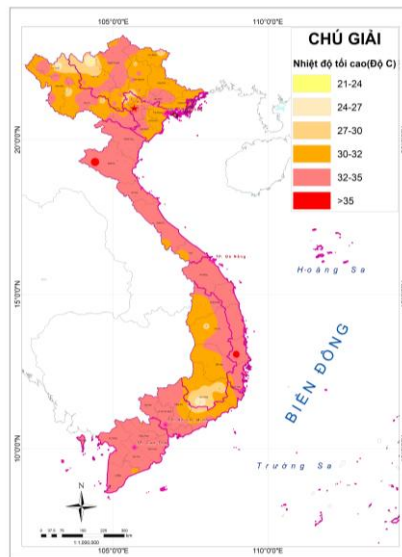
Trong tháng 04–06/2026, rủi ro đối với vật nuôi chủ yếu liên quan đến điều kiện khí hậu trong giai đoạn chuyển mùa và căng thẳng nhiệt do nhiệt tăng – ẩm tăng về cuối thời kỳ.

Tháng 04/2026: Nhiệt độ tăng lên bắt đầu ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi; theo chỉ số THI, mức độ ảnh hưởng hầu hết trên cả nước ngoại trừ một số vùng thuộc TDMNPB (Hình 7).

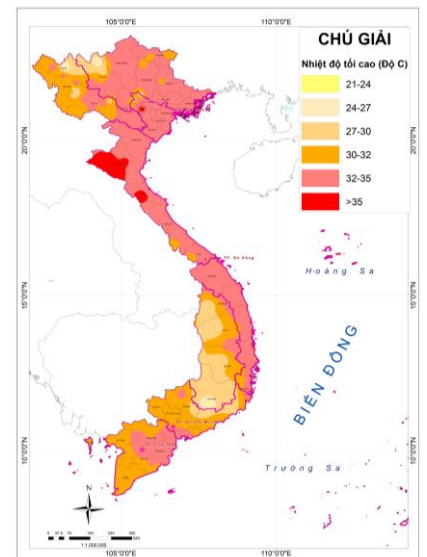
Tháng 05,06/2026: Nhiệt độ gia tăng, nắng nóng xuất hiện, theo chỉ số THI, nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi xảy ra trên phạm vi cả nước, biểu hiện qua giảm ăn, rối loạn hô hấp và suy giảm sức đề kháng (Hình 8).



Nhiệt độ tối cao trung bình tháng 4

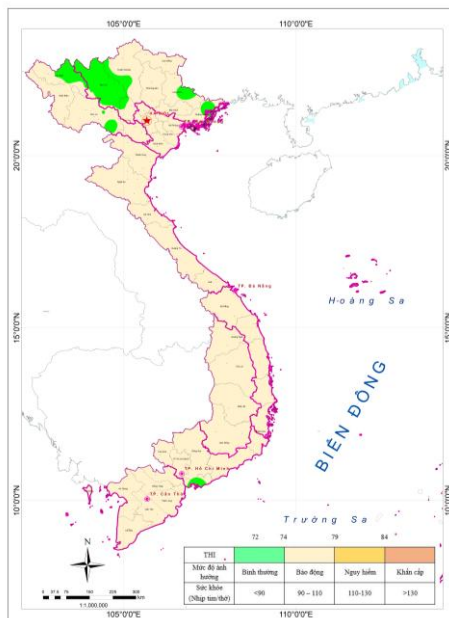


Nhiệt độ tối cao trung bình tháng 5

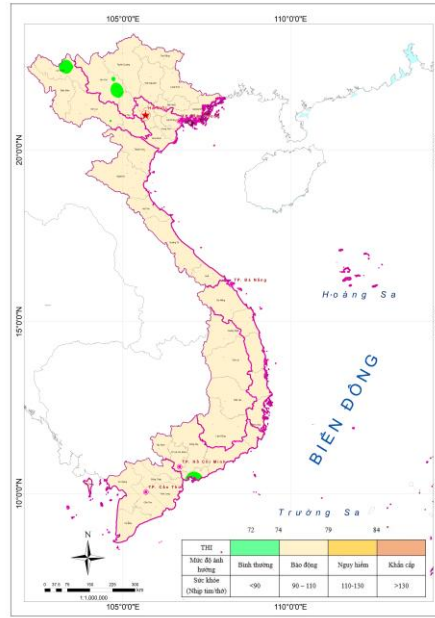


Nhiệt độ tối cao trung bình tháng 6

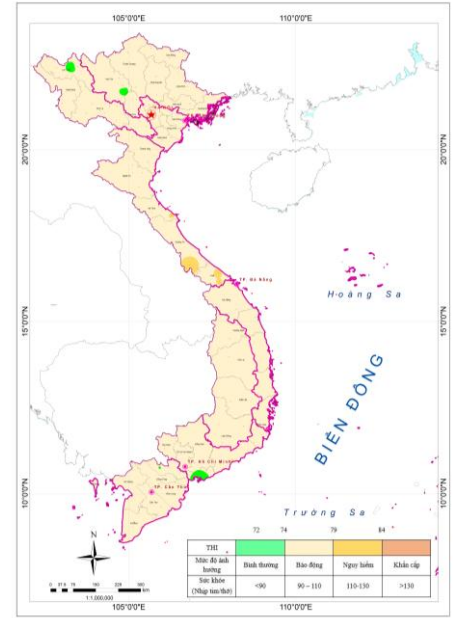
Hình 7. Dự báo nhiệt độ từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026 (°C)



Tháng 4



Tháng 5



Tháng 6

Hình 8. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026 dựa trên chỉ số THI

PHẦN III.

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (04–06/2026)

Bảng 6. Tổng hợp giải pháp ứng phó rủi ro khí hậu đối với cây trồng (04–06/2026)

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu chính	Tháng 04/2026	Tháng 05/2026	Tháng 06/2026
TDMNPB	Lúa	Thiếu nước (Tháng 4), đủ nước (Tháng 5) thừa nước (Tháng 6)	Chủ động tiêu thoát nước, duy trì ẩm phù hợp (lúa chín)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)	Duy trì lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)
	Ngô	Thiếu nước (Tháng 4), đủ nước (Tháng 5) thừa nước (Tháng 6)	Chủ động tiêu thoát nước giai đoạn phát triển bắp	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)	Chủ động tiêu thoát nước đảm bảo độ ẩm đất từ 65-80% (Gieo cấy)
ĐBSH	Lúa	Thiếu nước (Tháng 4), đủ nước (Tháng 5) thừa nước (Tháng 6)	Tiêu thoát nước tốt, tránh úng (lúa chín)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)	Duy trì lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)
BTB	Lúa	Thiếu nước (Tháng 4), đủ nước (Tháng 5) thừa nước (Tháng 6)	Chủ động tiêu thoát nước khi mưa tăng (lúa chín)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)	Duy trì lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Gieo cấy)
	Lạc	Thiếu nước (Tháng 4), đủ nước (Tháng 5) thừa nước (Tháng 6)	Tiêu thoát nước, tránh úng rễ	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)
DHNTB	Lúa	Thừa nước (Tháng 4-Tháng 6)	Tiêu thoát nước, quản lý ẩm giai đoạn lúa chín	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)	Duy trì lớp nước nông 2–3 cm trên mặt ruộng (Gieo trồng)
	Thanh long	Thừa nước (Tháng 4-Tháng 6)	Tiêu thoát nước, tránh úng gốc	Chủ động tiêu thoát nước, chăm sóc cây	Chủ động tiêu thoát nước, chăm sóc cây
Tây Nguyên	Lúa	Thiếu nước (Tháng 4), thừa nước (Tháng 5-Tháng 6)	Điều tiết nước phù hợp giai đoạn ngâm sữa–chắc xanh	Chủ động tiêu thoát nước (Lúa chín)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)
	Cà phê	Thiếu nước (Tháng 4), thừa nước (Tháng 5-Tháng 6)	Tiêu thoát nước, tránh úng gốc (quả non)	Chủ động tiêu thoát nước (Quả chín)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)
ĐNB	Lúa	Thừa nước (Tháng 4-Tháng 6)	Duy trì mực nước phù hợp (ngâm sữa–chắc xanh)	Điều tiết nước phù hợp giai đoạn lúa chín	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)

	Thanh long	Thừa nước (Tháng 4-Tháng 6)	Tiêu thoát nước, duy trì ẩm phù hợp (quả chín)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)
ĐBSCL	Lúa	Thừa nước (Tháng 4-Tháng 6)	Điều tiết nước phù hợp (ngâm sữa-chắc xanh)	Chủ động tiêu thoát nước (Lúa chín)	Chủ động tiêu thoát nước (Thu hoạch)



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu,
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển
Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Hà Nội.
Email: ktnn.imhen@mae.gov.vn